

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/DS-PT
Ngày 27/4/2018
V/v “tranh chấp dân sự về hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng.

Ông Trần Phước Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17, 27 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2017/TLPT- DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp dân sự về hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/ DS – ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2018/QĐ – PT ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số nhà 56, ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1955, được ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10 - 01 - 2018)

Địa chỉ: Số nhà 56, ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 370/1, ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968, được ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 05-9-2017)

Địa chỉ: Số nhà 370/1, ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà 56, ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị R đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông H có làm chủ 06 dây hụi, hình thức hụi huê hồng. Tuy nhiên việc tổ chức khai hụi, gom hụi, giao hụi và viết sổ sách đều do bà R là vợ ông H thực hiện. Trong đó, Chị M có tham gia 02 (hai) dây hụi, đã hốt hụi tất cả 02 dây hụi vào lần khai hụi thứ hai. Hiện tại, 02 dây hụi đã mãn nhưng chị M chưa đóng đủ tiền hụi chết lại cho ông H. Cụ thể như sau:

1. Dây hụi khai ngày 05-10-2012 (al), hụi 500.000 đồng/phần, có 30 phần hụi, chị M tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần. Chị M bỏ hụi 200.000 đồng và hốt hụi vào lần khai hụi thứ hai được số tiền 8.750.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 150.000 đồng). Sau đó, chị M chưa đóng hụi chết cho ông H. Như vậy, chị M còn thiếu tiền hụi ông H 28 lần x 500.000 đồng = 14.000.000 đồng.

2. Dây hụi khai ngày 25-11-2012 (al), hụi 500.000 đồng/phần, có 26 phần hụi, chị M tham gia 01 phần, mỗi tháng khai hụi 01 lần. Chị M bỏ hụi 200.000 đồng và hốt hụi vào lần khai hụi lần thứ hai được số tiền 8.750.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 150.000 đồng). Sau đó, chị M không đóng hụi chết lần nào. Như vậy, chị M còn thiếu tiền hụi ông H là: 500.000 đồng x 24 lần = 12.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi chị M còn thiếu ông H đối với 02 dây hụi trên là là 26.000.000 đồng. Nay bà R đồng ý trừ số tiền là 5.500.000 đồng do chị M trả tại Công an xã Đ và tiền do chị M trực tiếp trả cho bà R, chỉ yêu cầu chị M trả tiền hụi còn thiếu là 20.500.000 đồng.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Bà R không yêu cầu người nào khác liên đới cùng chị M trả tiền hụi cho ông H.

Bà R thống nhất với yêu cầu của ông H, không có yêu cầu độc lập.

Bà R xác định dây hụi mà chị M trình bày chị M có tham gia, là: Dây hụi 500.000 đồng khai ngày 10/05/2012 (âm lịch) là dây hụi đã mãn, chị M đã đóng hụi cho ông H xong, ông H không khởi kiện chị M đối với dây hụi này.

- Bà Nguyễn Thị B, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Chị M có tham gia 02 dây hụi do ông H làm chủ. Tuy nhiên, theo trình bày của nguyên đơn thì chỉ có 01 dây hụi chị M thống nhất ngày tham gia là:

Dây hội khui ngày 25-11-2012 (al), hội 500.000 đồng/phần. Chị M đã hót hội trong lần khui hội thứ hai được số tiền 8.750.000 đồng (sau khi trừ huê hồng 150.000 đồng). Sau đó, chị M đã đóng hội chết cho bà R 17 lần x 500.000 đồng = 8.500.000 đồng. Chị M xác định chỉ còn thiếu tiền hội của ông H đối với dây hội này 07 lần x 500.000 đồng = 3.500.000 đồng.

Đối với dây hội khui ngày 05-10-2012 (al), chị M không có tham gia. Chị M trình bày có tham gia dây hội khui ngày 10-5-2012 (al), hội 500.000 đồng/phần, có 30 phần hội, chị M tham gia 01 phần và hót hội vào lần khui hội lần 2 được số tiền 6.875.000 đồng. Sau đó, chị M có đóng hội chết 20 lần số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, chị M còn thiếu tiền hội ông H là: 500.000 đồng x 09 lần = 4.500.000 đồng.

Do đó, chị M chỉ đồng ý trả tiền hội cho ông H đối với dây hội ngày 25-11-2012 (al) là 3.500.000 đồng. Đối với dây hội ngày 10-5-2012 (al) tuy ông H không khởi kiện nhưng chị M cũng tự nguyện trả cho ông H 4.500.000 đồng.

Đối với số tiền đã nộp tại Công an xã Đ, bà B xác định chị M trả tiền hội dùm cho bà nên bà B không yêu cầu gì.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 54/2017/DS - ST, ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị M trả số tiền hội còn nợ của 02 dây hội ngày 05-10-2012 (al); 25-11-2012 (al) tổng cộng 20.500.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị M trả cho ông Nguyễn Văn H tiền hội còn nợ của dây hội ngày 25-11-2012 (al) là 6.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp ngày 17-11-2016 theo biên lai số 06243 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S là 675.000 đồng, sau khi khấu trừ vào tiền án phí phải nộp, ông H còn phải nộp tiếp 25.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017, ông Nguyễn Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu của ông đối với dây hụi ngày 05/10/2012 âm lịch với số tiền 14.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị R là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị M trả tiền của 02 dây hụi ngày 25/11/2012 và dây hụi ngày 05/10/2012 số tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền của chị M không thừa nhận có chơi dây hụi ngày 05/10/2012 tuy nhiên bà B thừa nhận chị M có tham gia chơi dây hụi ngày 10/5/2012 và đồng ý chị M trả số tiền hụi cho ông H là 15.000.000 đồng (trong đó có cả 03 dây hụi ngày 25/11/2012 ; 05/10/2012 và 10/5/2012).

Bà R thống nhất chị M còn nợ các dây hụi trên tổng cộng 15.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện nộp số tiền 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do ông H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự, ông H không phải nộp án phí sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H được nhận lại 300.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của UBTUQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 54/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Buộc chị Nguyễn Thị M phải trả cho ông Nguyễn Văn H tiền hụi còn thiếu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn H tự nguyện nộp số tiền là 750.000 đồng nhưng do ông H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 675.000 đồng theo biên lai số 06243 ngày 17/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do ông là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Hoàn trả lại cho ông H số tiền 300.000đ theo biên lai số 01167 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Đương sự
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy